

Số: 322/BC-ĐCM

Cẩm Phả, ngày 22 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2023

Kính gửi: Quý vị cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật của nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 28 tháng 4 năm 2022;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV xin báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu chính trong báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán như sau:

Phần thứ nhất:
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

DVT: Đồng VN

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Mốc thời gian | |
|--|-------------|------------------------|------------------------|
| | | 31/12/2023 | 01/01/2023 |
| TÀI SẢN | | | |
| A- TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 151.756.354.334 | 189.668.393.766 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 3.362.588.810 | 2.416.689.034 |
| 1. Tiền | 111 | 3.362.588.810 | 2.416.689.034 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 137.477.754.898 | 179.900.288.388 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 132.056.455.384 | 165.620.372.373 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 88.337.979 | 76.459.519 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | - | - |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.464.805.223 | 14.335.300.184 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | (131.843.688) | (131.843.688) |
| 8. Tài sản Thiếu chờ xử lý | 139 | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 7.299.083.423 | 4.525.154.118 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 7.299.083.423 | 4.525.154.118 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 3.616.927.203 | 2.826.262.226 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 3.403.167.555 | 2.357.176.564 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu NN | 153 | 213.759.648 | 469.085.662 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | - | - |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 64.030.520.263 | 69.507.324.665 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 35.348.236 | 30.698.744 |



| | | | |
|---|------------|------------------------|------------------------|
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 35.348.236 | 30.698.744 |
| 2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | 46.799.637.718 | 52.168.449.049 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 44.220.039.593 | 49.718.762.099 |
| - Nguyên giá | 222 | 273.498.685.122 | 266.927.622.341 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | (229.278.645.529) | (217.208.860.242) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 2.579.598.125 | 2.449.686.950 |
| - Nguyên giá | 228 | 6.161.350.743 | 5.825.299.843 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | (3.581.752.618) | (3.375.612.893) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 751.499.706 | 46.111.310 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 751.499.706 | 46.111.310 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | 16.444.034.603 | 17.262.065.562 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 16.444.034.603 | 17.262.065.562 |
| NGUỒN VỐN | | | |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | 101.700.838.033 | 145.395.274.845 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 101.700.838.033 | 145.395.274.845 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 15.040.175.050 | 28.118.347.716 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | - | - |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 313 | 11.041.315.174 | 11.056.873.742 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 23.029.854.465 | 26.666.581.699 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 324.357.175 | 227.477.350 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | - | - |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 8.030.156.832 | 8.533.569.328 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 43.719.105.892 | 70.524.753.915 |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | - | - |
| 10. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | 515.873.445 | 267.671.095 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | - | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 114.086.036.564 | 113.780.443.586 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 114.086.036.564 | 113.780.443.586 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 108.000.000.000 | 108.000.000.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 399.573.116 | 399.573.116 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 5.686.463.448 | 5.380.870.470 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | 5.686.463.448 | 5.380.870.470 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | 215.786.874.597 | 259.175.718.431 |

5805
 NG TY
 HẠN
 HÁT M
 KV
 T.QUA

Phần thứ hai:
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

DVT: ĐồngVN

| STT | Chỉ tiêu | Mã số | Mốc thời gian | |
|-----|---|-------|-----------------|-----------------|
| | | | Năm 2023 | Năm 2022 |
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 347.049.720.750 | 331.947.548.105 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 347.049.720.750 | 331.947.548.105 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 11 | 290.389.214.589 | 284.574.316.191 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 56.660.506.161 | 47.373.231.914 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 10.593.944 | 10.371.318 |
| 7 | Chi phí tài chính | 22 | 3.166.818.821 | 2.236.362.708 |
| - | Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | 3.166.818.821 | 2.236.362.708 |
| 8 | Phản lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | |
| 9 | Chi phí bán hàng | 25 | | |
| 10 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 46.366.990.590 | 38.694.440.180 |
| 11 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | 7.137.290.694 | 6.452.800.344 |
| 12 | Thu nhập khác | 31 | 46.560.000 | 676.297.123 |
| 13 | Chi phí khác | 32 | 6.346.107 | 281.799.503 |
| 14 | Lợi nhuận khác | 40 | 40.213.893 | 394.497.620 |
| 15 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 7.177.504.587 | 6.847.297.964 |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 1.491.041.139 | 1.466.427.494 |
| 17 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | |
| 18 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 5.686.463.448 | 5.380.870.470 |
| 19 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*) | 70 | 527 | 498 |

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BQLĐH (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Khản

Số: 320 /BC-ĐCM

Cầm Phả, ngày 22 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Về việc chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2023; Kế hoạch chi trả năm 2024

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông

1. Chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2023

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2023 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV; Căn cứ kết quả thanh quyết toán chi phí năm 2023 của Công ty với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2023 được chi trả như sau:

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chức danh | Số người | Tổng số (trđ) | Trong đó: | | Ghi chú |
|-----|------------------------|----------|---------------|-----------|---------------|---------|
| | | | | Lương | Thù lao | |
| 1 | Hội đồng Quản trị | 5 | 407,88 | | 407,88 | |
| | - Chủ tịch HĐQT | 1 | 92,52 | | 92,52 | |
| | - Thành viên HĐQT | 4 | 315,36 | | 315,36 | |
| 2 | Ban Kiểm soát | 3 | 240,12 | | 240,12 | |
| | - Trưởng ban kiểm soát | 1 | 82,44 | | 82,44 | |
| | - TV. Ban kiểm soát | 2 | 157,68 | | 157,68 | |
| | Tổng số | | 648,00 | | 648,00 | |

2. Đề xuất mức chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2024.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Căn cứ kế hoạch SXKD của Công ty năm 2024 đã được TKV thông qua tại văn bản số 6439/TKV-KH ngày 26/12/2023, Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 và Quy chế quản lý lao động và tiền lương ban hành kèm theo quyết định số 685/QĐ-TKV ngày 23/4/2019 của TKV để xây dựng tiền lương, mức thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2024 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chức danh | Số người | Tổng số (Trđ) | Trong đó: | | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------|---------------|-----------|---------|---------|
| | | | | Lương | Thù lao | |
| 1 | Hội đồng Quản trị | 05 | 407,88 | | 407,88 | |
| | - Chủ tịch HĐQT | 01 | 92,52 | | 92,52 | |

| STT | Chức danh | Số người | Tổng số (Trđ) | Trong đó: | | Ghi chú |
|----------|------------------------|-----------|---------------|-----------|---------------|---------|
| | | | | Lương | Thù lao | |
| | - Thành viên HĐQT | 04 | 315,36 | | 315,36 | |
| 2 | Ban Kiểm soát | 03 | 240,12 | | 240,12 | |
| | - Trưởng ban kiểm soát | 01 | 82,44 | | 82,44 | |
| | - TV. Ban kiểm soát | 02 | 157,68 | | 157,68 | |
| | Tổng số | | 648,00 | | 648,00 | |

Trong đó:

*** Thù lao 1 tháng:**

- Chủ tịch HĐQT được tính = $25.700.000đ \times 1,5 \times 0,2 = 7.710.000đ$
- Thành viên HĐQT được tính = $21.900.000đ \times 1,5 \times 0,2 = 6.570.000đ$
- Trưởng ban Kiểm soát được tính = $22.900.000đ \times 1,5 \times 0,2 = 6.870.000đ$
- Thành viên Ban Kiểm soát được tính = $21.900.000đ \times 1,5 \times 0,2 = 6.570.000đ$

*** Phương thức chi trả:**

- Tiền lương, thù lao tháng = Tiền lương, thù lao năm /12 tháng;
- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS Công ty được tạm ứng không quá 80% mức tiền lương, thù lao tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.
- Mức thù lao và tiền lương nêu trên thay đổi khi pháp luật và Tập đoàn có quy định khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BQLĐH (ecopy);
- Cổ đông của Công ty;
- Văn phòng (đăng trên Website);
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.



Vũ Văn Khẩn

Số: 315 /ĐCM-BKS

Cám Phá, ngày 21 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 - Phương hướng nhiệm vụ năm 2024; Đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 14 thông qua ngày 17/6/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 các nội dung như sau:

I. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023:

1. Cơ cấu tổ chức: Ban Kiểm soát công ty hiện tại gồm 03 người, 01 Trưởng ban và 02 thành viên.

- | | |
|-----------------------|-----------------------|
| - Bà Lê Thị Kim Dung | Trưởng Ban Kiểm soát |
| - Ông Hoàng Kim An | Ủy viên Ban Kiểm soát |
| - Ông Nguyễn Đức Luận | Ủy viên Ban Kiểm soát |

2. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát.

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm soát năm và hàng quý đã triển khai kế hoạch để thực hiện nhiệm vụ được giao. Cụ thể:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị thông qua việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT tuân thủ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các quy định của Nhà nước;

- Giám sát hoạt động của Giám đốc công ty thông qua việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty thuộc quyền hạn của Giám đốc được quy định tại điều lệ công ty và quy chế hoạt động của HĐQT;

- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2023; Xem xét



việc ban hành các quy chế quản lý nội bộ, cơ chế, quy định nội bộ của Công ty trong năm 2023 phù hợp với quy định hiện hành của TKV và nhà nước;

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, báo cáo tài chính năm 2023; Báo cáo đại hội cổ đông thường niên năm 2024; Các báo cáo tình hình kinh doanh và một số báo cáo khác của Công ty; Kiểm soát các lĩnh vực quản lý tài chính công nợ, vật tư, đầu tư, sửa chữa lớn, thanh lý TSCĐ, công tác quản lý lao động, tiền lương, Sau mỗi kỳ kiểm soát đều có biên bản làm việc nêu các ý kiến kiến nghị, cảnh báo hoặc trao đổi trực tiếp với Lãnh đạo và phòng chuyên môn có liên quan để Công ty hoàn thiện, rút kinh nghiệm;

- Các thành viên Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT; các cuộc họp của Công ty để nắm bắt kịp thời các thông tin và giải quyết các công việc có liên quan đến nhiệm vụ của BKS. Tại các cuộc họp BKS đều có ý kiến đóng góp kịp thời và thực hiện giám sát HĐQT thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2023.

- Thực hiện lựa chọn danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2023 của Công ty để trình ĐHĐCĐ thông qua; Phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về nội dung kết luận kiểm toán; Giám sát Công ty thực hiện các kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra; các kết luận thanh kiểm tra của các đoàn kiểm tra khác (nếu có);

- Thực hiện lập các báo cáo định kỳ theo quy định đối với BKS báo cáo trước ĐHĐCĐ và cổ đông lớn (TKV) đúng thời hạn và nội dung yêu cầu.

Đánh giá chung: Trong năm 2023, Các thành viên Ban Kiểm soát luôn bám sát chức năng nhiệm vụ của mình, linh hoạt áp dụng các hình giám sát trực tiếp/gián tiếp để giám sát các hoạt động của Công ty nhằm phát hiện cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn, góp phần đảm bảo cho hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ quy định của cấp trên, Nhà nước. Năm 2023 Ban Kiểm soát công ty đã thực hiện hoàn thành chức năng nhiệm vụ theo quy định.

II. Đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị, Giám đốc công ty năm 2023:

1. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:

Năm 2023 Hội đồng quản trị công ty đã thường xuyên chỉ đạo các hoạt động của Công ty thông qua việc ban hành các nghị quyết phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, để sản xuất kinh doanh có lợi nhuận, mang lại hiệu quả cho Công ty và các Cổ đông.

Đã tổ chức Đại hội đồng Cổ đông năm 2023 đầy đủ nội dung theo quy định. Sau đại hội đã sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.

Trong năm Hội đồng Quản trị đã thực hiện 25 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản; ban hành 27 Nghị quyết; 20 Quyết định ban hành các quy chế,

quyết định liên quan đến công tác tổ chức LĐTL, quy hoạch cán bộ, công tác tái cơ cấu, sắp xếp cán bộ, bổ sung ngành nghề kinh doanh; Công tác tài chính, kế hoạch/ điều chỉnh: kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư XDCB năm 2023, thuê ngoài và các lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị.

Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc công ty triển khai thực hiện.

Các Biên bản họp, Nghị quyết của HĐQT có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành hợp lệ đúng thẩm quyền.

+ Các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ và đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Chủ tịch HĐQT Công ty thực hiện chế độ báo cáo của người đại diện phần vốn tại công ty về TKV kịp thời, đầy đủ theo quy định.

Đánh giá chung: Năm 2023 HĐQT đã thực hiện đúng theo quyền hạn, chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của Pháp luật.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Giám đốc Công ty:

- Giám đốc và Ban giám đốc đã bám sát các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT, Điều lệ hoạt động của Công ty, các quy chế quy định quản trị nội bộ để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hợp lý và hiệu quả, nhằm đảm bảo mang lại lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và các Cổ đông của Công ty.

- Giám đốc công ty đã chỉ đạo các phòng chức năng xây dựng, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ để ban hành về công tác tổ chức, công tác giao khoán, các quy định về quản lý nội bộ phù hợp và đưa ra những giải pháp hợp lý trong điều hành và tổ chức sản xuất phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty trong từng giai đoạn để sản xuất kinh doanh năm 2023 có hiệu quả.

- Thực hiện đúng quy định của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, công khai, minh bạch.

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2023

Căn cứ kết quả thẩm tra báo cáo tài chính và các báo cáo có liên quan, Ban Kiểm soát xác nhận số liệu thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2023 do HĐQT, Giám đốc điều hành so với Nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2023 như sau:



| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Nghị quyết ĐHCĐ 2023 | Thực hiện năm 2023 | Tỷ lệ % thực hiện năm 2023 |
|------------------------------|-------------|----------------------|--------------------|----------------------------|
| 1. Chỉ tiêu hiện vật: | | | | |
| - Khoan TD | mét | 54.060 | 59.744,50 | 110,5 |
| - Khảo sát | ha | 17.050 | 19.048,90 | 111,7 |
| 2. Doanh thu | Tỷ.đồng | 320.000 | 347.107 | 108,5 |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | Tỷ.đồng | 6.350 | 7.177 | 113,0 |
| 4. Tỷ lệ chi trả cổ tức | % | ≥ 2 | $= 2$ | 100,0 |
| 5. ĐTXDCB (KHĐC) | Tỷ.đồng | 8.555 | 8.325 | 97,31 |
| 6. Lao động bình quân | Người | 720 | 667 | 92,6 |
| 7. Tiền lương bq/người/tháng | 1000đ | 10.218 | 12.477 | 122,1 |

Nhận xét: Trong năm 2023 các chỉ tiêu chính đều đạt và vượt kế hoạch và nghị quyết của ĐHCĐ đề ra: Doanh thu đạt 108,5 %; Lợi nhuận đạt: 113,0 %; Đầu tư XDCB đạt 97,31%; Tiền lương bình quân đạt 12.477 ngàn đồng/ng/th bằng 122,1 % NQĐHCĐ; Tỷ lệ chi trả cổ tức nếu được ĐHCĐ thông qua 2% sẽ đạt 100% KH.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

Việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát được thực hiện hiệu quả. Ban giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban công ty phối hợp cung cấp tài liệu theo yêu cầu, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Năm 2023 Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào của các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty về việc liên quan đến hoạt động của HĐQT và Ban giám đốc điều hành.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và giám sát các mặt hoạt động quản lý của HĐQT, Ban giám đốc điều hành công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV Trong năm 2024. Ban Kiểm soát công ty báo cáo Đại hội.

III. Đề xuất kiến nghị và phương hướng nhiệm vụ năm 2024

1. Tổng hợp các kiến nghị của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2023 Ban Kiểm soát Công ty đã tổ chức các cuộc kiểm tra, kiểm soát hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2023. BKS đã tổ chức họp sáu (6) phiên để thống nhất các nội dung về kế hoạch kiểm soát, kết quả kiểm soát hàng quý, năm và các nội dung khác thuộc nhiệm vụ của BKS;

Thông qua kết quả kiểm soát tại Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV về hoạt động sản xuất kinh doanh, thẩm tra báo cáo tài chính năm 2023. Ban Kiểm soát đánh giá công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty về cơ bản đã thực hiện theo quy định. Trong năm 2023 Công ty đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo Nghị quyết ĐH đồng cổ đông, đã bảo toàn

được vốn, có lợi nhuận sau thuế TNDN là 5.686 triệu đồng, tuy nhiên dự kiến chi trả cổ tức 2% chưa cao hơn năm 2022.

Một số ý kiến Ban Kiểm soát lưu ý Công ty:

- Đối với số vật tư chậm luân chuyển tại Công ty và Chi nhánh Xí nghiệp Địa chất Đông Triều (giá trị tại 31/12/2023: 980 trđ), đề nghị Công ty có phương án xử lý để thu hồi vốn.

- Công ty cần thường xuyên rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật, để điều chỉnh bổ sung các định mức cho phù hợp định mức của nhà nước và TKV (nếu có) nhằm đảm bảo quy định của Luật thuế thu nhập Doanh nghiệp, hiện nay là Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính;

- Công ty chủ động rà soát lại toàn bộ diện tích đất đai đang sử dụng, không có nhu cầu sử dụng, hợp đồng thuê đất, thời hạn nộp/tạm nộp tiền thuê đất,... (nếu có) theo các văn bản chỉ đạo của TKV và quy định của địa phương nhằm đảm bảo việc thực hiện việc quản lý đất đai theo đúng quy định của Luật đất đai.

2. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2024:

*** Phương hướng chung:**

- Tiếp tục phát huy vai trò của BKS: thực hiện chức năng nhiệm vụ giám sát, kiểm soát hoạt động của HĐQT, BGD; hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của ĐHĐCĐ, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật DN, điều lệ của Công ty, quy chế hoạt động của BKS;

- Các thành viên Ban Kiểm soát có kế hoạch sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để tăng cường hơn nữa trong việc giám sát một số lĩnh vực theo chuyên đề.

*** Một số nhiệm vụ trọng tâm:**

(1) Giám sát các hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các cuộc họp của HĐQT, các Quy chế, Quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty do HĐQT Công ty ban hành;

(2) Giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, các quy định của Giám đốc Công ty trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty;

(3) Xây dựng kế hoạch, chương trình để thực hiện kiểm soát tình hình hoạt động SXKD của Công ty, thẩm định báo cáo tài chính của Công ty hàng quý, năm



2024 và các báo cáo khác về hoạt động SXKD của Công ty, xem xét các biên bản, báo cáo kiểm toán của các Công ty kiểm toán độc lập;

(4) Xem xét, kiểm tra việc ban hành hệ thống Quy chế, Quy định nội bộ của Công ty;

(5) Thực hiện giám sát hàng năm theo một số chuyên đề về việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản, quản lý đầu tư, vật tư, công nợ, tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, sửa chữa TSCĐ,.. phù hợp từng quý theo kế hoạch;

(6) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Pháp luật (bao gồm nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác...);

(7) Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ công ty và tình hình sản xuất kinh doanh cụ thể trong năm 2024 để bổ sung chuyên đề kiểm soát khác phù hợp (nếu cần).

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ (B/c);
- Lưu VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Thị Kim Dung

Số: 314/ĐCM - BKS

Cầm Phả, ngày 11 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
V/v Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 của
Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV.
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV.

Ban Kiểm soát công ty báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV như sau:

1. Công tác hạch toán kế toán:

- Việc ghi chép, hạch toán kế toán được thực hiện đúng theo Chế độ Kế toán của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/1/2017 của Tập đoàn TKV v/v Quy định tạm thời về biểu mẫu Báo cáo tài chính và Báo cáo quản trị áp dụng trong TKV.

- Theo ý kiến của Ban Kiểm soát, xét trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính 2023 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV. Báo cáo tài chính năm 2023 được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Về số liệu báo cáo tài chính năm 2023:

Ban Kiểm soát Công ty thống nhất với số liệu báo cáo tài chính của Công ty năm 2023 do Công ty lập và đã được Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tại Quảng Ninh, Kiểm toán tại báo cáo số 100324.001//BCTC-QN ngày 10/3/2024. Cụ thể:



2.1 Số liệu Bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31/12/2023 như sau:

ĐVT: VN đồng

| TT | Chỉ tiêu | Mã số | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------|--|------------|------------------------|------------------------|
| A | B | C | 1 | 2 |
| A | Tài sản ngắn hạn | 100 | 151.756.354.334 | 189.668.393.766 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 3.362.588.810 | 2.416.689.034 |
| 2 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 137.477.754.898 | 179.900.288.388 |
| 4 | Hàng tồn kho | 140 | 7.299.083.423 | 4.525.154.118 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 3.616.927.203 | 2.826.262.226 |
| B | Tài sản dài hạn | 200 | 64.030.520.263 | 69.507.324.665 |
| 1 | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 35.348.236 | 30.698.744 |
| 2 | Tài sản cố định | 220 | 46.799.637.718 | 52.168.449.049 |
| | Tài sản cố định hữu hình | 221 | 44.220.039.593 | 49.718.762.099 |
| | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | |
| | Tài sản cố định vô hình | 227 | 2.579.598.125 | 2.449.686.950 |
| 3 | Bất động sản đầu tư | 230 | | |
| 4 | Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 751.499.706 | 46.111.310 |
| 5 | Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | |
| 6 | Tài sản dài hạn khác | 260 | 16.444.034.603 | 17.262.065.562 |
| | Tổng cộng tài sản (270= 100 + 200) | 270 | 215.786.874.597 | 259.175.718.431 |
| C | Nợ phải trả | 300 | 101.700.838.033 | 145.395.274.845 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 310 | 101.700.838.033 | 145.395.274.845 |
| 2 | Nợ dài hạn | 330 | | |
| D | Vốn chủ sở hữu | 400 | 114.086.036.564 | 113.780.443.586 |
| I | Vốn chủ sở hữu | 410 | 114.086.036.564 | 113.780.443.586 |
| 1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 108.000.000.000 | 108.000.000.000 |
| | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | 108.000.000.000 | 108.000.000.000 |
| 2 | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 399.573.116 | 399.573.116 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 5.686.463.448 | 5.380.870.470 |
| | - LNST chưa PP kỳ này | 421b | 5.686.463.448 | 5.380.870.470 |
| II | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | |
| | Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400) | 440 | 215.786.874.597 | 259.175.718.431 |

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023:

| Chỉ tiêu | Mã số | TM | Năm 2023 |
|---|-------|--------|-----------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | VII.1 | 347.049.720.750 |
| 2. Các khoản giảm trừ Doanh thu | 2 | VII.2 | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 347.049.720.750 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VII.3 | 290.389.214.589 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 56.660.506.161 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VII.4 | 10.593.944 |
| 7. Chi phí hoạt động tài chính | 22 | VII.5 | 3.166.818.821 |
| -Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 3.166.818.821 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VII.8a | |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VII.8b | 46.366.990.590 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 7.137.290.694 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VII.6 | 46.560.000 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VII.7 | 6.346.107 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 40.213.893 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 7.177.504.587 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành | 51 | VII.10 | 1.491.041.139 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại | 52 | | |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | VII.11 | 5.686.463.448 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | | 527 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) | 71 | | |

3. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2023:

Năm 2023 các chỉ tiêu lợi nhuận, khả năng thanh toán nợ của Công ty đều đạt và vượt chỉ tiêu phê duyệt của HĐQT và thông báo của TKV:

- Lợi nhuận trước thuế 7.177 triệu đồng/KH 6.350 triệu đồng tăng so kế hoạch 113% so với kế hoạch đầu năm;



- Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: 1,49 lần, so KH 1,11 lần, tăng 0,38 lần. So với năm 2022 (1,30 lần) tăng 0,19 lần.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 0,89 lần so KH 1,43 lần, giảm 0,54 lần. So với năm 2022 (1,28 lần) giảm là 0,39 lần.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE): Thực hiện năm 2023 là 6,30 %, so với năm 2022 (6,09 %) tăng 0,2 %

- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA): Thực hiện năm 2023 là 3,022 % , so với năm 2022 (2,562 %) tăng (0,658)%;

Năm 2023 Công ty đã bảo toàn được vốn: Vốn chủ sở hữu cuối năm: 114.086.036.564 đồng, trong đó: Vốn điều lệ 108.000.000.000 đồng. Quỹ ĐTPT: 399.573.116 đồng; Lợi nhuận sau thuế năm 2023 chưa phân phối: 5.686.463.448 đồng.

Trên đây là kết quả Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV. Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng Cổ đông công ty./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ (B/c);
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐỊA CHẤT MỎ
TKV
TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH
Lê Thị Kim Dung

Số: 313/TTr-BKS

Cám Phá, ngày 21 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính
của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV

Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV;
Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV;
Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của công ty như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Là Công ty kiểm toán đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024.
- Là công ty kiểm toán độc lập có uy tín về chất lượng kiểm toán, có nhiều kinh nghiệm kiểm toán lĩnh vực hoạt động của TKV và Công ty; Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;

2. Danh sách công ty kiểm toán độc lập đề xuất:

(1) Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tân Việt, có địa chỉ trụ sở tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 06 Nguyễn Công Hoan, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

(2) Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC tại Quảng Ninh, địa chỉ số 08 Chu Văn An, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

(3) Công ty TNHH Kiểm toán An Việt, có trụ sở chính tầng 12, tòa nhà 167, phố Bùi Thị Xuân, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Với các tiêu chí và danh sách đề xuất nêu trên, Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Địa chất mỏ -TKV thông qua và giao cho HĐQT công ty tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán để tổ chức thực hiện theo quy định.

Kính trình và xin ý kiến Đại hội./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ (b/c);
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Lê Thị Kim Dung



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ PHẦN THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

PHIẾU BIỂU QUYẾT

1. Thông tin của cổ đông:

- Tên cổ đông :
- Mã cổ đông : ...
- Số cổ phần sở hữu : ... cổ phần
- Số cổ phần đại diện : ... cổ phần
- Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện : ... cổ phần
- Tổng số phiếu biểu quyết : ... phiếu

2. Nội dung biểu quyết:

| Nội dung biểu quyết | Tán thành | Không tán thành | Không có ý kiến |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, đầu tư năm 2023 và kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2024 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023 và phương hướng năm 2024 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 của Công ty | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2023 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5. Báo cáo chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2023; Kế hoạch chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS năm 2024 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 6. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024; Đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT và Giám đốc Công ty năm 2023 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 7. Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 8. Tờ trình đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2023 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Cẩm Phả, ngày 16 tháng 4 năm 2024

Cổ đông

(Ký tên/ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Cổ đông đánh dấu (X) một lần cho một nội dung biểu quyết

Số: /2024/NQ-ĐHĐCĐ
(Dự thảo)

Cám Phả, ngày tháng 4 năm 2024



NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2022;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV được tổ chức vào ngày 16 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả SXKD năm 2023; Kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2024 với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Kết quả SXKD năm 2023:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2023 | Thực hiện năm 2023 | Tỷ lệ % |
|----------|--------------------------|----------------|-------------------|--------------------|--------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 = 5/4 |
| 1 | Chỉ tiêu hiện vật | | | | |
| | Khoan thăm dò | mét | 54.060,0 | 59.744,5 | 110,5 |
| | Khảo sát trắc địa | ha | 17.050,0 | 19.048,9 | 111,7 |
| 2 | Giá trị thực hiện | tr.đồng | 320.000 | 350.025 | 109,4 |
| | Khoan thăm dò | tr.đồng | 271.990 | 286.159 | 105,2 |
| | Khảo sát trắc địa | " | 23.650 | 26.668 | 112,8 |
| | Nhiệm vụ Địa chất | " | 10.660 | 15.219 | 142,8 |
| | Dịch vụ khoáng nóng | " | 11.000 | 16.356 | 148,7 |
| | SXKD khác | " | 2.700 | 5.623 | 208,3 |
| 3 | Doanh thu | tr.đồng | 320.000 | 347.107 | 108,5 |
| | Doanh thu địa chất | " | 306.300 | 328.508 | 107,3 |
| | Doanh khác | " | 13.700 | 18.599 | 135,8 |
| 4 | Tổng chi phí | tr.đồng | 313.650 | 341.724 | 109,0 |
| 4.1 | Chi phí trung gian | " | 201.099 | 216.860 | 107,8 |
| | Vật liệu | " | 91.923 | 97.344 | 105,9 |
| | Nhiên liệu | " | 18.582 | 22.334 | 120,2 |

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2023 | Thực hiện năm 2023 | Tỷ lệ % |
|----------|---|----------------|-------------------|--------------------|--------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 = 5/4 |
| | Động lực | " | 1.172 | 1.475 | 125,9 |
| | Chi khác | " | 57.803 | 75.244 | 130,2 |
| | Mua ngoài | " | 31.619 | 20.463 | 64,7 |
| 4.2 | Giá trị gia tăng | " | 112.551 | 124.864 | 110,9 |
| | Khấu hao tài sản | " | 10.703 | 12.276 | 114,7 |
| | Tiền lương | " | 88.283 | 99.866 | 113,1 |
| | - Tiền lương SXKD | " | 85.023 | 96.299 | 113,3 |
| | - Tiền lương viên chức quản lý | " | 1.593 | 1.818 | 114,1 |
| | - Tiền lương QLVH Miếu Mỏ, khác | " | 1.667 | 1.749 | 104,9 |
| | BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ | " | 12.286 | 11.520 | 93,8 |
| | Thuế trong giá thành | " | 1.279 | 1.202 | 94,0 |
| * | K/chuyển chi phí dở dang (ĐK - CK) | tr.đồng | | -1.794 | |
| | Dở dang đầu kỳ | " | | 504 | |
| | Dở dang cuối kỳ | " | | 2.298 | |
| 5 | Lợi nhuận | tr.đồng | 6.350 | 7.177 | 113,0 |
| 6 | Lao động, tiền lương | | | | |
| | Tổng quỹ lương | tr.đồng | 88.283 | 99.866 | 113,1 |
| | Lao động bình quân | người | 720 | 667 | 92,6 |
| | Tiền lương bình quân | 1000đ/ng/th | 10.218 | 12.477 | 122,1 |
| | Đơn giá tiền lương | đ/1000đ DT | 285,0 | 290,0 | 101,8 |
| 7 | Đầu tư XDCB | Tr.đ | 8.555 | 8.546,5 | 99,9 |

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2024:

| TT | Các chỉ tiêu chủ yếu | ĐVT | Chỉ tiêu kế hoạch | Ghi chú |
|----------|---|-------------|-------------------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Tổng doanh thu | tr.đ | 362.500 | |
| | Doanh thu Địa chất | " | 346.000 | |
| | Doanh thu dịch vụ và du lịch Địa chất, khác | " | 16.500 | |
| 2 | Giá trị sản xuất | " | 362.500 | |
| | Giá trị sản xuất tính lương | " | 328.500 | |
| 3 | Tổng chi phí | " | 354.300 | |
| 3.1 | Chi phí trung gian | " | 215.712 | |
| 3.2 | Giá trị gia tăng | " | 138.588 | |
| | - Khấu hao TSCĐ | " | 12.374 | |
| | - Tiền lương | " | 112.333 | |

| TT | Các chỉ tiêu chủ yếu | ĐVT | Chỉ tiêu kế hoạch | Ghi chú |
|----------|--|--------------------------------|-------------------|---------|
| | + Tiền lương sản xuất kinh doanh | " | 108.598 | |
| | + Tiền lương người quản lý | " | 1.987 | |
| | + Tiền lương QLVH Miếu mỏ, khác | " | 1.749 | |
| | - Bảo hiểm XH, YT, Kinh phí CĐ | " | 12.493 | |
| | - Thuế (trong giá thành) | " | 1.388 | |
| 4 | Lợi nhuận | Tr.đ | 8.200 | |
| | <i>Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu</i> | % | 8 | |
| 5 | Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương | | | |
| | - Lao động bình quân | người | 704 | |
| | - Tiền lương bình quân | 1000đ/ng.th | 13.297 | |
| | - Đơn giá tiền lương | đ/1000đ GTXS | 331 | |
| 6 | Đầu tư XDCB | Tr.đ | 14.842 | |
| 7 | Cổ tức | %VĐL | ≥ 2 | |
| 8 | Nộp ngân sách | Theo quy định hiện hành | | |

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2024, nếu điều kiện về sản xuất thuận lợi hay khó khăn thì được quyết định điều chỉnh tăng, giảm các chỉ tiêu nhằm đảm bảo hiệu quả lợi ích tối đa của cổ đông và Công ty.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị về hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.

Điều 3. Thông qua báo cáo tài chính của Công ty năm 2023 với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

| | |
|-------------------------|-----------------------|
| * Tài sản tổng số: | 215.786.874.597 đồng |
| - Tài sản ngắn hạn: | 151.756.354.334 đồng; |
| - Tài sản dài hạn: | 64.030.520.263 đồng; |
| * Tổng nguồn vốn: | 215.786.874.597 đồng; |
| - Nợ phải trả: | 101.700.838.033 đồng; |
| - Vốn chủ sở hữu: | 114.086.036.564 đồng; |
| * Lợi nhuận trước thuế: | 7.177.504.587 đồng |
| * Lợi nhuận sau thuế: | 5.686.463.448 đồng |

Điều 4. Thông qua kết quả chi trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024 như sau:

1. Tiền lương, thưởng thù lao HĐQT, BKS năm 2023:

| STT | Chức danh | Số người | Tổng số (trđ) | Trong đó: | | Ghi chú |
|----------|--------------------------|----------|---------------|-----------|---------------|---------|
| | | | | Lương | Thù lao | |
| 1 | Hội đồng Quản trị | 5 | 407,88 | | 407,88 | |
| | - Chủ tịch HĐQT | 1 | 92,52 | | 92,52 | |

| | | | | | |
|----------|------------------------|----------|---------------|--|---------------|
| | - Thành viên HĐQT | 4 | 315,36 | | 315,36 |
| 2 | Ban Kiểm soát | 3 | 240,12 | | 240,12 |
| | - Trưởng ban kiểm soát | 1 | 82,44 | | 82,44 |
| | - TV. Ban kiểm soát | 2 | 157,68 | | 157,68 |
| | Tổng số | | 648,00 | | 648,00 |

2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2024:

| STT | Chức danh | Số người | Tổng số (Trđ) | Trong đó: | | Ghi chú |
|----------|--------------------------|-----------|---------------|-----------|---------------|---------|
| | | | | Lương | Thù lao | |
| 1 | Hội đồng Quản trị | 05 | 407,88 | | 407,88 | |
| | - Chủ tịch HĐQT | 01 | 92,52 | | 92,52 | |
| | - Thành viên HĐQT | 04 | 315,36 | | 315,36 | |
| 2 | Ban Kiểm soát | 03 | 240,12 | | 240,12 | |
| | - Trưởng ban kiểm soát | 01 | 82,44 | | 82,44 | |
| | - TV. Ban kiểm soát | 02 | 157,68 | | 157,68 | |
| | Tổng số | | 648,00 | | 648,00 | |

• **Phương thức chi trả:**

- Tiền lương, thù lao tháng = Tiền lương, thù lao năm /12 tháng;
- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS, Ban lãnh đạo điều hành Công ty được tạm ứng không quá 80% mức tiền lương, thù lao tháng; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Điều 5. Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2023 như sau:

| STT | Nội dung | Số tiền (đ) | Ghi chú |
|-----------|---|----------------------|---------------|
| I | Lợi nhuận trước thuế | 7.177.504.587 | |
| 1 | Trích nộp thuế TNDN | 1.491.041.139 | |
| II | Lợi nhuận sau thuế | 5.686.463.448 | |
| 1 | Chia cổ tức: 2,0% vốn điều lệ | 2.160.000.000 | KH >= 2,0% |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích khoản 1: | 3.526.463.448 | |
| 2.1 | Trích quỹ đầu tư phát triển: | 0 | |
| 2.2 | Quỹ thưởng Người quản lý Công ty: 1,5 tháng lương | 152.000.000 | DN xếp loại B |
| 2.3 | Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 3.374.463.448 | |
| - | Quỹ khen thưởng (50%) | 1.687.231.724 | |
| - | Quỹ phúc lợi (50%) | 1.687.231.724 | |

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị hoàn thiện thủ tục và thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông theo qui định của Pháp luật.

Điều 6. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 – Phương hướng nhiệm vụ năm 2024; Đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Giám đốc Công ty năm 2023; Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023.

Điều 7. Thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập:

(1) Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tân Việt, có địa chỉ trụ sở tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 06 Nguyễn Công Hoan, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

(2) Chi nhánh Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC tại Quảng Ninh, địa chỉ số 08 Chu Văn An, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

(3) Công ty TNHH Kiểm toán An Việt, có trụ sở chính tầng 12, tòa nhà 167, phố Bùi Thị Xuân, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Giám đốc Công ty đàm phán, thỏa thuận mức giá, ký hợp đồng kiểm toán để tổ chức thực hiện.

Điều 8. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV:

1. Tiếp tục triển khai Dự án đầu tư xây dựng công trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Thực hiện các thủ tục thuê tài sản, thiết bị để phục vụ SXKD khi yêu cầu sản xuất tăng cao.

3. Bổ sung thêm ngành nghề đăng ký kinh doanh khi cần cho hoạt động SXKD của Công ty; Điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư và xây dựng cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và có trách nhiệm tiến hành các công việc được thông qua trong Nghị quyết này một cách hợp lệ, báo cáo Đại hội đồng cổ đông ở kỳ họp gần nhất theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp.

Điều 9. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV năm 2024 thông qua một cách hợp pháp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2024.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV có trách nhiệm tiến hành các công việc được thông qua trong Nghị quyết này một cách hợp lệ theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- TKV; UBCK Nhà nước, Sở GD&ĐT Hà Nội; TTLK Việt Nam (b/c);
- Các cán bộ quản lý; Các cổ đông của Công ty;
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy); Văn phòng đăng trên trang Web;
- Lưu: Văn thư; Thư ký HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

**Vũ Văn Khấn
CHỦ TỊCH HĐQT**